

Số: 167 /BC-UBND

Hoài Nhơn, ngày 23 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO

**Sơ kết 03 năm (2016-2018) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới; phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp
thực hiện giai đoạn 2018-2020**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2018 (tính đến 30/6/2018)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành và hệ thống cơ quan tham mưu, giúp việc tổ chức quản lý và triển khai Chương trình ở các cấp

Thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU, ngày 20/10/2016 của Tỉnh ủy về “Phát triển nông nghiệp - nông thôn, giai đoạn 2016-2020”, Ban thường vụ Huyện ủy ban hành Chương trình hành động số 16-CTr/HU, ngày 26/5/2016 về “Xây dựng huyện Hoài Nhơn đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020”; đồng thời ban hành Quyết định số 95-QĐ/HU thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của huyện, giai đoạn 2016-2020 và các Quyết định số 191-QĐ/HU; Quyết định số 293-QĐ/HU về việc kiện toàn Ban chỉ đạo.

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 8028/QĐ-UBND về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy; các Quyết định kiện toàn Tổ công tác, Tổ thẩm tra, Văn phòng điều phối. 15/15 xã thành lập Ban chỉ đạo, Ban Quản lý và Ban phát triển thôn; đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện.

2. Cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình (Chi tiết theo phụ biểu số 01 đính kèm)

Quán triệt chủ trương, chính sách, các văn bản hướng dẫn của Bộ, Ngành Trung ương, Tỉnh, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nội dung về công tác tuyên truyền, lập quy hoạch, đề án, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, huy động và lồng ghép các nguồn vốn,...

Hàng năm, HĐND huyện ban hành các chính sách hỗ trợ để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đặc biệt ưu tiên hỗ trợ cho các xã có kế hoạch đạt chuẩn trong năm.

3. Cơ chế điều phối, phối hợp và cơ chế phân cấp trong quản lý, điều hành thực hiện Chương trình

Huyện ủy, HĐND, UBND huyện thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã, mỗi tháng BCD làm

việc với các xã để theo dõi, điều chỉnh, đôn đốc chỉ đạo thực hiện. UBND huyện ban hành các văn bản phân công các ngành theo dõi, hướng dẫn và hỗ trợ các xã trong việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới của ngành phụ trách.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2018 (Tính đến 30/6/2018)

1. Mức độ hoàn thành một số mục tiêu cơ bản của Chương trình

- Kết quả thực hiện 05 xã giai đoạn 2011-2015: Có 03 xã giữ vững 19/19 tiêu chí xã Tam Quan Bắc, Hoài Châu, Hoài Châu Bắc; 02 xã đạt 18/19 tiêu chí xã Hoài Tân, Hoài Hương (năm 2018 chưa đánh giá lại tiêu chí số 18 về chỉ tiêu Đảng bộ chính quyền trong sạch vững mạnh)

- Kết quả 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017: Có 05 xã hoàn thành công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 là Hoài Hảo, Tam Quan Nam, Hoài Sơn, Hoài Thanh, Hoài Thanh Tây (Năm 2018 chưa đánh giá tiêu chí số 18 về chỉ tiêu Đảng bộ, Chính quyền đạt chuẩn “trong sạch, vững mạnh”).

- Kết quả 05 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018:

+ Xã Hoài Hải, Hoài Xuân đạt 18/19 tiêu chí;

+ Xã Hoài Phú đạt 17/19 tiêu chí (chưa đạt tiêu chí số 17,18);

+ Xã Hoài Đức đạt 16/19 tiêu chí (chưa đạt tiêu chí số 5, 17, 18);

+ Xã Hoài Mỹ đạt 15/19 tiêu chí (chưa đạt: tiêu chí số 5, 7,17,18).

Cả 5 xã (tiêu chí số 18: chỉ tiêu Đảng bộ, chính quyền đạt trong sạch, vững mạnh chưa đánh giá: Huyện ủy đã có văn bản chỉ đạo đánh giá trước tháng 9/2018)

(Chi tiết theo phụ biểu số 02 đính kèm)

2. Kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình

2.1. Công tác điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Đến nay, có 15/15 xã hoàn thành đồ án quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới của xã được UBND huyện phê duyệt; công tác quản lý quy hoạch, công khai và cắm mốc quy hoạch ra ngoài thực địa được các xã thực hiện nghiêm túc. 100% xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch nông thôn mới.

2.2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Tập trung đầu tư xây dựng phát triển nhanh hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn, thủy lợi, điện, xây dựng chỉnh trang các nhà văn hóa thôn, ... Hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu ở nông thôn được tăng cường.

Đến nay, đường trục xã, liên xã được bê tông xi măng, nhựa hóa 187,58km/187,58km, đạt 100%; đường trục thôn được bê tông xi măng 319,51 km/332,02km, đạt 103,9%; đường xóm được bê tông, cứng hóa 274,41 km/275,13km, đạt 100%; đường trục chính nội đồng được mở rộng, cứng hóa 158,84km/185,98km, đạt 117,08%, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của người dân.

Hệ thống các công trình thủy lợi đê, kè, hồ, đập, kênh mương được xây dựng kiên cố, đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh, giữ vai trò quan trọng trong việc điều tiết lũ, hạn chế thiệt hại vùng hạ lưu, đảm bảo phục vụ tưới, tiêu nước. Thực hiện kiên cố 220km kênh mương, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu nước chủ động trên 14.000 ha, đạt 93% diện tích, đạt 109,4% kế hoạch.

Hệ thống điện nông thôn được thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng,

nâng cấp đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân, mô hình điện thấp sáng đường nông thôn đã góp phần giữ vững tình hình an ninh trật tự và an toàn giao thông. Các chợ nông thôn được đầu tư xây dựng, nâng cấp đáp ứng nhu cầu trao đổi mua bán.

Cơ sở vật chất văn hóa, giáo dục, y tế tiếp tục được tăng cường. Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đào tạo luôn được giữ vững. Các cơ sở văn hóa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân. Hạ tầng thông tin, truyền thông tiếp tục phát triển, phục vụ tốt nhu cầu người dân; mạng internet tốc độ cao, mạng sóng 3G, 4G đã phủ sóng đến hầu hết ở thôn, xóm; người dân khu vực nông thôn được sử dụng các dịch vụ bưu chính, viễn thông thường xuyên, liên tục. Nhà ở dân cư và công tác tái định cư vùng thiên tai được đặc biệt quan tâm, nhất là nhà ở cho người có công. Tỷ lệ nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng là 94%.

Xây dựng nông thôn mới đã tạo nên diện mạo nông thôn khang trang, cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục củng cố, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân cải thiện và nâng cao.

2.3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo bền vững

a. Phát triển mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề nông thôn

Tăng cường xây dựng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giá trị sản xuất tăng bình quân 21,4%/năm so với năm 2015; Kêu gọi thu hút đầu tư được tăng cường, từ năm 2016 đến nay có 68 Doanh nghiệp thành lập mới đi vào sản xuất ổn định, với tổng vốn đầu tư khoảng 1.072 tỷ đồng, thu hút gần 8.000 lao động. Các làng nghề, ngành nghề truyền thống duy trì, sản xuất ổn định, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn tiêu biểu được công nhận như nước mắm Như Hoa, dầu dừa tinh khiết Ngọc An, ...

b. Thương mại - dịch vụ: tiếp tục tăng trưởng khá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội tăng bình quân 21,3%/năm. Các dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, tín dụng, ngân hàng, vận tải, y tế, bảo hiểm phát triển mạnh, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

c. Sản xuất nông - ngư - lâm nghiệp: phát triển tương đối toàn diện, giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm 6,6%. Việc chuyển đổi cơ cấu giống, cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất được đẩy mạnh, chuyển diện tích sản xuất 3 vụ lúa kém hiệu quả sang 2 vụ lúa/năm. Liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân và doanh nghiệp đã hình thành và nhân rộng; nhiều cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng tiên tiến sản xuất lúa giống, lúa chất lượng cao, lạc giống có sự liên kết giữa nông dân với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đạt hiệu quả kinh tế cao tạo sự ổn định đầu ra cho sản phẩm.

Đàn gia súc, gia cầm ổn định và phát triển. Thực hiện quyết liệt các biện pháp thú y, phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi chiếm 48,1% trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.

Đã đề ra các giải pháp khuyến khích ngư dân cải hoán, đóng mới tàu thuyền, nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ. Đến nay, toàn huyện có 2.445 tàu, công suất trên 1.154.000CV/792.079CV, tăng 45% so với năm 2015, trong đó có 2.140 tàu công suất từ 90 CV trở lên chiếm 87,5%. Số lượng tàu có công suất lớn tăng 700 tàu, tàu có công suất nhỏ giảm 710 tàu (ngư dân chuyển đổi tàu công suất lớn để

đánh bắt xa bờ). Từ 2016 đến nay đóng mới 18 tàu vỏ thép, 01 tàu composite, 08 tàu vỏ gỗ theo Nghị định 48, 67. Đã xây dựng 655 Tổ đoàn kết hỗ trợ khai thác trên biển. Hàng năm có trên 150 tàu vỏ gỗ với công suất từ 400CV trở lên được đóng mới; sửa chữa và nâng cấp trên 1.000 lượt tàu.

Sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản đạt 48.744 tấn, tăng 20% so với năm 2015. Thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định 48 của Thủ tướng Chính phủ, đã giải ngân 1.138,8 tỷ đồng. Tập trung đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 689/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp nhằm ngăn chặn, giảm thiểu tình trạng tàu cá và ngư dân Việt Nam bị nước ngoài bắt giữ (giảm 41%).

Cơ sở hạ tầng vùng nuôi được đầu tư nâng cấp phát triển đồng bộ; nhiều phương thức nuôi được áp dụng phù hợp, nuôi theo tiêu chuẩn VietGap... các tiến bộ kỹ thuật được tăng cường, bước đầu cho hiệu quả nhất định.

Công tác kiểm tra, quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng luôn được chú trọng. Xây dựng mô hình trồng thâm canh cây gỗ lớn; bình quân mỗi năm trồng mới trên 850 ha rừng ha rừng nâng tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 44,45% tăng 2,1% so với năm 2015.

Kinh tế tập thể có bước phát triển cả về loại hình hợp tác xã và tổ hợp tác, hoạt động ổn định theo Luật Hợp tác xã năm 2012, đáp ứng tốt các khâu dịch vụ làm đất, cung ứng giống, vật tư nông nghiệp, thủy lợi, thu hoạch, liên kết sản xuất; một số Hợp tác xã nông nghiệp còn vươn ra các dịch vụ sản xuất kinh doanh khác, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Kinh tế trang trại phát triển khá cả về số lượng và quy mô sản xuất, chủ yếu kết hợp chăn nuôi với trồng cây ăn quả.

Đến nay, toàn huyện có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới trước kế hoạch, các xã còn lại là Hoài Mỹ, Hoài Hải, Hoài Xuân, Hoài Đức và Hoài Phú phấn đấu về đích nông thôn mới năm 2018, phấn đấu huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019. Thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn 43,45 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,3%.

2.3. Nâng cao chất lượng môi trường nông thôn

Công tác khắc phục, tái tạo, bảo vệ môi trường được tập trung thực hiện. Đến nay, có 203.789 người dân nông thôn sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, đạt trên 99% (đạt 100% KH). Các cơ sở sản xuất, kinh doanh có phát sinh chất thải đều có hồ sơ cam kết bảo vệ môi trường và hệ thống xử lý chất thải; huyện đã phê duyệt phương án bảo vệ môi trường đối với các làng nghề. Các nghĩa trang có quy chế quản lý và thực hiện nghiêm túc theo quy chế được duyệt, mai táng phù hợp với quy định, phong tục tập quán tại các nghĩa trang được quy hoạch.

Việc xây dựng cảnh quang xanh – sạch – đẹp ngày càng được chú trọng. Rác thải sinh hoạt và nước thải các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chăn nuôi, bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng cơ bản được thu gom và xử lý theo quy định. Việc khắc phục tình trạng ô nhiễm trong chăn nuôi được thực hiện quyết liệt.

2.4. Phát triển Văn hóa, Giáo dục, Y tế

Chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn ngày càng được cải thiện. Đến nay, có 85,2% số thôn và 100% số xã được công nhận đạt chuẩn văn hóa, vượt kế hoạch đề ra. Nhân dân đã có ý thức, hành động giữ gìn, phát huy các giá trị di tích lịch sử văn hóa, loại hình nghệ thuật như hội đánh bài chòi cổ, các trò chơi

dân gian, lễ hội cầu ngư,... Qua đó, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân, tạo môi trường văn hóa - xã hội nông thôn có nhiều khởi sắc.

Chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng cao; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học Trung học phổ thông học nghề hàng năm đạt 93%, đạt 103% kế hoạch (KH: 90%); tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề đạt trên 1.480 người. Phong trào thi đua dạy tốt, học tốt không ngừng được nâng cao.

Công tác phát triển y tế cơ sở, trạm Y tế các xã được đầu tư nâng cấp, sửa chữa đạt chuẩn theo quy định. Công tác y tế dự phòng, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai có hiệu quả; biện pháp phòng, chống dịch được triển khai đồng bộ, dịch bệnh được khống chế.

2.5. Nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể chính trị - xã hội

Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, giai đoạn 2016 - 2020.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng tiếp tục đẩy mạnh. Duy trì công tác tiếp công dân thường xuyên và định kỳ tại Trụ sở tiếp công dân của huyện.

Đến nay, có 8/15 xã đạt tiêu chí số về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, 07 xã chưa đạt là Hoài Tân, Hoài Hương, Hoài Đức, Hoài Phú, Hoài Mỹ, Hoài Xuân, Hoài Hải do chỉ tiêu đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2.6. Giữ vững an ninh, chính trị xã hội nông thôn

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện cơ bản ổn định, duy trì thường xuyên chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật giáo dục QPAN, Hội đồng giáo dục QPAN các cấp được củng cố, kiện toàn, hoạt động có hiệu quả. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững ổn định. Công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm tiếp tục đẩy mạnh, tổ chức nhiều đợt ra quân tấn công trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Cuộc vận động “Toàn dân tham gia xây dựng địa bàn huyện không có tội phạm ma túy, giảm tội phạm trộm cắp, cướp giật” được chú trọng triển khai, góp phần huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

3. Tình hình triển khai thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới

Tập trung xây dựng kế hoạch thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; hoàn thành huyện nông thôn mới vào năm 2019.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của cấp huyện, xã đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Xây dựng đề án quy hoạch xây dựng chung của huyện trình UBND tỉnh thẩm định. Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp phù hợp với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đảm bảo môi trường; chú trọng quy hoạch phát

triển vùng sản xuất sản phẩm chủ lực có lợi thế của huyện, hình thành chuỗi sản phẩm đặc trưng của địa phương. Xây dựng các hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các địa phương trong và ngoài huyện. Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các cơ sở trường học; nâng cao chất lượng hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Tạo điều kiện thuận lợi để hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận, vay vốn giải quyết việc làm, hỗ trợ phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người dân.

4. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2018

4.1. Tổng nguồn vốn và cơ cấu các nguồn vốn huy động (theo phụ biểu số 03 đính kèm)

Trong 02 năm 2016-2018, tổng các nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp chương trình xây dựng nông thôn mới là 85,162 tỷ đồng, trong đó ngân sách TW 33,142 tỷ đồng (đầu tư phát triển: 22,879 tỷ đồng, vốn TPCP 6.252 tỷ đồng, vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất: 4,011 tỷ đồng), ngân sách tỉnh 47,52 tỷ đồng, ngân sách huyện 4,5 tỷ đồng.

4.2. Kết quả phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn ngoài ngân sách để thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình (theo phụ biểu số 04 đính kèm)

Trong 02 năm 2016-2018, tổng các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên 874 tỷ đồng (trong đó xây dựng cơ sở hạ tầng 161,973 tỷ đồng). Đặc biệt, với vai trò là chủ thể người dân đã hiến trên 41.548 m² đất, hiến vật kiến trúc, hiến trên 800 cây dừa, đóng góp hơn 18,304 tỷ đồng tiền mặt và hơn 4.539 ngày công để làm đường giao thông, kênh mương nội đồng, nâng cấp, xây mới nhà văn hóa, sân thể thao thôn; lắp đặt hệ thống điện thấp sáng trên các tuyến đường nông thôn,...

4.3. Kết quả xử lý nợ đọng XDCB trong thực hiện Chương trình (đến 30/6/2018)

Đến nay, có 10 xã còn nợ đọng xây dựng nông thôn mới là 44,6 tỷ đồng, trong đó: Hoài Thanh 10 tỷ đồng; Hoài Thanh Tây 10 tỷ đồng; Hoài Hương 4,0 tỷ đồng; Hoài Phú 7,0 tỷ đồng; Hoài Tân 1,6 tỷ đồng; Hoài Châu Bắc 1,4 tỷ đồng; Hoài Hải 2,8 tỷ đồng; Hoài Xuân 1,9 tỷ đồng; Hoài Đức 4,1 tỷ đồng, Hoài Mỹ 1,8 tỷ đồng; 5 xã không có nợ đọng là Hoài Sơn, Tam Quan Nam, Tam Quan Bắc, Hoài Hào, Hoài Châu. Tuy nhiên, các xã đã xây dựng phương án xử lý nợ đọng từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất và huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

Đến nay, toàn huyện có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong năm 2017 hoàn thành 05 xã nông thôn mới trong số 11 xã của toàn tỉnh, đạt 167% kế hoạch của huyện và chiếm 45% kết quả của tỉnh. Tất cả các xã về đích trước kế hoạch, được Tỉnh và Trung ương hỗ trợ kinh phí theo hình thức thưởng bằng các công trình phúc lợi xã hội trị giá từ 01 tỷ đến 4 tỷ đồng/xã; 5 xã còn lại là Hoài Mỹ, Hoài Hải, Hoài Xuân, Hoài Đức, Hoài Phú phấn đấu về đích nông thôn mới trong năm 2018 và huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019.

Xây dựng nông thôn mới là chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân. Các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị đã tích cực, chủ động, sáng tạo trong triển khai thực hiện. Nông thôn mới đã hình thành trên thực tế, đáp ứng nguyện vọng người

dân nông thôn, ngày càng thu hút sự tham gia của người dân, các doanh nghiệp; nhờ đó huy động được nguồn lực rất lớn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nội dung của Chương trình.

Vai trò lãnh đạo của cấp ủy và Ban chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới, sự điều hành của chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, sự đồng thuận của nhân dân là nền tảng của phong trào xây dựng NTM.

Phát huy tốt các tiềm năng, lợi thế gắn với huy động nguồn lực rộng rãi và phù hợp. Đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân gắn với phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới tạo ra sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế và toàn xã hội.

2. Những tồn tại, hạn chế chủ yếu và nguyên nhân

Thành viên Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện đều kiêm nhiệm chưa dành nhiều thời gian đến cơ sở để đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện.

Còn tồn tại một số cấp ủy và chính quyền xã chưa tích cực, chưa chủ động tiếp cận, nghiên cứu văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để vận dụng vào thực tế của địa phương. Chưa đánh giá và đặt đúng vị trí của người dân là chủ thể trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Phát triển sản xuất tuy có chuyển biến nhưng chưa tháo gỡ những khó khăn về tiêu thụ sản phẩm, hiệu quả chưa cao. Môi trường nông thôn đang là vấn đề bức xúc hiện nay, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người dân; mục tiêu phát triển nền nông nghiệp sạch, cải tạo vườn tạp, chỉnh trang vườn nhà chưa hiệu quả chưa cao.

Nguồn vốn huy động cho Chương trình còn thấp so với yêu cầu, chủ yếu vẫn từ nguồn ngân sách nhà nước và nhân dân đóng góp. Chính sách ưu đãi cho vay đầu tư xây dựng nông thôn mới chưa có đột phá nên khả năng huy động vốn còn thấp.

Việc thực hiện nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước hỗ trợ còn chậm, tiến độ giải ngân thấp. Vốn hỗ trợ xây dựng nông thôn mới chủ yếu tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng, vốn hỗ trợ phát triển sản xuất ở cấp tỉnh, huyện, xã còn hạn chế.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRONG GIAI ĐOẠN 2018-2020

I. MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU

1. Có ít nhất 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới trong tổng số 05 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2018, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn huyện lên là 14/15 xã, đạt 93% số xã NTM toàn huyện.

2. Hoàn thành huyện nông thôn mới vào năm 2019.

3. Duy trì và xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với 10 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các tiêu chí đã có điều chỉnh nâng cao (tỷ lệ hộ nghèo, thu nhập, môi trường và an toàn thực phẩm, hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, quốc phòng và an ninh,..).

4. Phần đầu có ít nhất 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu (Hoài Châu Bắc).

II. DỰ KIẾN KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐẾN 2020

Tổng nhu cầu vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình nông thôn mới từ năm 2018-2020 dự kiến khoảng 265,468 tỷ đồng, trong đó NSTW, tỉnh 100,698 tỷ đồng, ngân sách huyện 21,689 tỷ đồng, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác 143,081 tỷ đồng.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới

Tiếp tục phát huy nội lực, tranh thủ mọi nguồn lực để hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu về hệ thống giao thông, thủy lợi, cơ sở phục vụ giáo dục, y tế, môi trường, các trang thiết bị phục vụ nhu cầu hoạt động văn hóa, thể thao. Đẩy mạnh triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tùy theo điều kiện cụ thể, lựa chọn các cây trồng, vật nuôi chủ lực có lợi thế của địa phương phù hợp với quy hoạch, có khả năng cạnh tranh để tập trung ưu tiên phát triển. Ưu tiên phát triển các ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ thể mạnh, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững Nâng cao chất lượng môi trường “xanh, sạch, đẹp”. Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao; tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nghề nông thôn; giữ vững an ninh trật tự xã hội.

Đẩy mạnh thực hiện kế hoạch xây dựng Hoài Châu Bắc thành xã nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2018 theo tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020.

3.2. Đối với các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới:

Đối với các xã chưa đạt chuẩn khẩn trương rà soát, đánh giá các tiêu chí chưa đạt nhất là các tiêu chí về trường học; môi trường và an toàn thực phẩm; hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện, hoàn thiện hồ sơ minh chứng theo quy định, quyết tâm hoàn thành chỉ tiêu đề ra và đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

Huy động sức mạnh tổng hợp, xã hội hóa nguồn lực, ưu tiên ngân sách để thực hiện Chương trình. Tạo điều kiện tối đa cho nông dân phát triển kinh tế, có tích lũy để tái sản xuất mở rộng và đầu tư phát triển; chủ động phát huy hiệu quả nguồn lực tại chỗ; khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; làm tốt công tác xúc tiến đầu tư, kêu gọi, chung tay xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn, đảm bảo đúng quy định. Chỉ đạo, đôn đốc giải ngân kinh phí được giao đảm bảo tiến độ, đúng quy định; đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình nông thôn mới.

3.3. Đối với huyện Hoài Nhơn đạt chuẩn huyện nông thôn mới

Tập trung xây dựng kế hoạch thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ; quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ huyện nông thôn mới vào năm 2019.

Tập trung đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của cấp huyện, xã đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Xây dựng đồ án quy hoạch xây dựng chung của huyện trình UBND tỉnh thẩm định. Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp phù hợp với đề án tái cơ cấu ngành nông bền vững đảm bảo tiêu chí về môi trường; chú trọng vùng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có thế mạnh và lợi thế phát triển của huyện, áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất, hình thành chuỗi sản phẩm đặc trưng của địa phương; Xây dựng các hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã, thị trấn. Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các cơ sở trường học. Nâng cao chất lượng hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tạo điều kiện thuận lợi để hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận, vay vốn giải quyết việc làm, hỗ trợ phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Phần thứ ba **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đối với Trung ương: Cần tăng cường nguồn vốn trực tiếp cho Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn lồng ghép khác như chương trình giảm nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất tăng thu nhập cho người dân đối với các xã đã hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới.

2. Đối với cấp Tỉnh:

Đề nghị Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm hỗ trợ vốn trực tiếp cho Chương trình và các nguồn vốn lồng ghép khác, hỗ trợ kinh phí đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội; ban hành cơ chế, chính sách thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

Các Sở, ngành chuyên môn thường xuyên phối hợp kiểm tra, hướng dẫn cho cơ sở thực hiện nhằm nâng cấp tiêu chí theo hướng bền vững, tăng cường công tác tập huấn, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý cấp cơ sở.

Trên đây là báo cáo sơ kết 03 năm (2016-2018) thực hiện Chương trình Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; phương hướng nhiệm vụ và giải pháp thực hiện giai đoạn 2018-2020 huyện Hoài Nhơn đề các Sở, ban ngành liên quan tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo dõi chỉ đạo. *Ngh*

Nơi nhận:

- BCĐ XD NTM tỉnh Bình Định;
- Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định;
- Văn phòng ĐPXD NTM tỉnh;
- Thành viên BCĐ xây dựng NTM huyện;
- Phòng Kinh tế huyện;
- Lưu: VP.

ubr

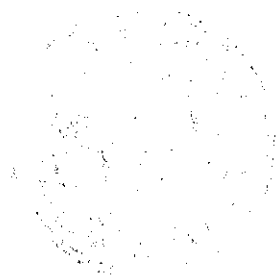
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH

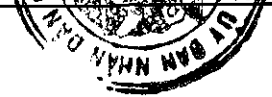
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Trần Chí Công



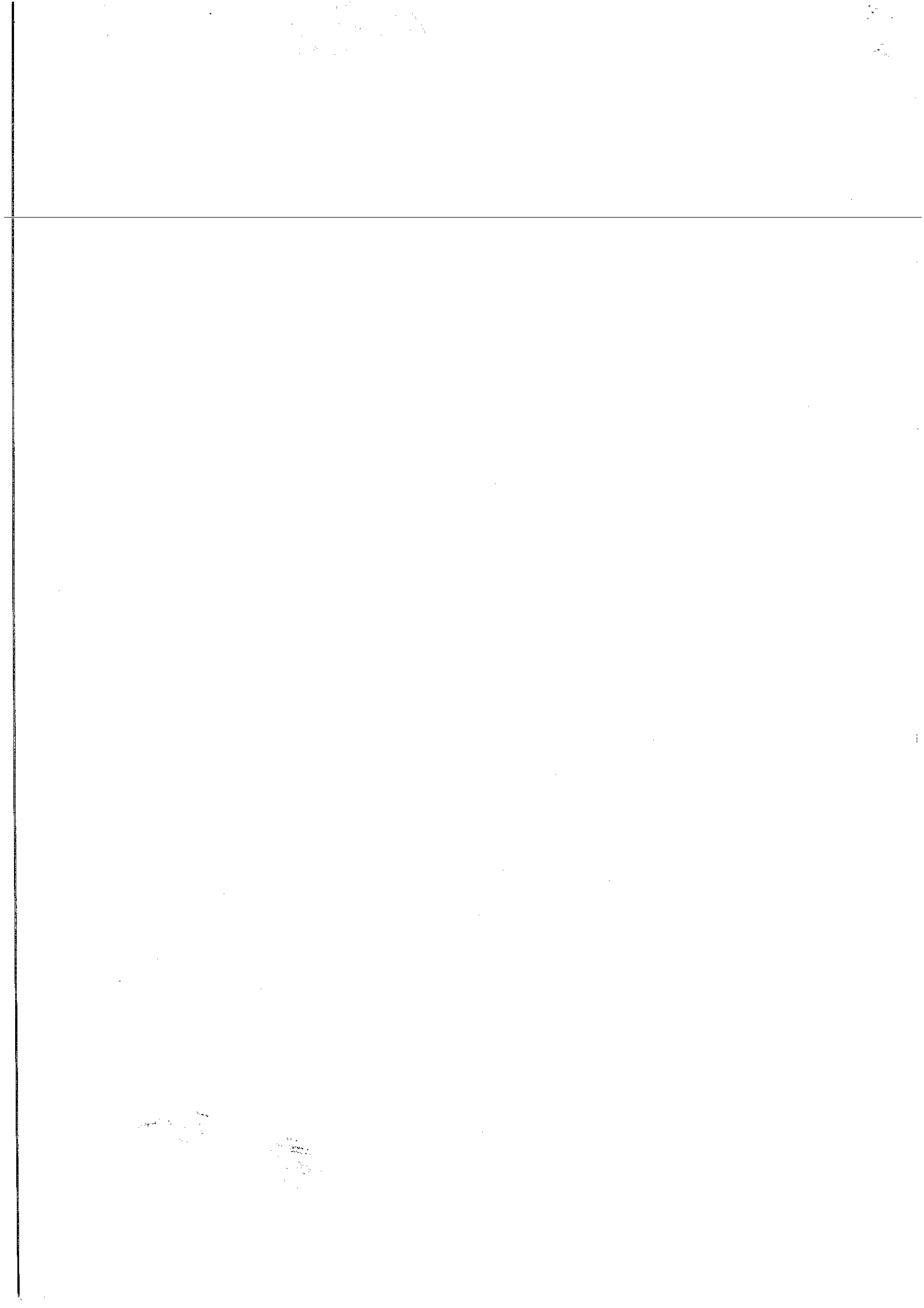
**CÁC CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH ĐỂ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Ghi chú
1	Quyết định	số 11766/QĐ-UBND 28/12/2017 của UBND huyện Hoài Nhơn	Về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Hoài Nhơn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, GPĐ 2016-2020	chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tổ chức lại sản xuất nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh, đáp ứng với nhu cầu thị trường, nâng cao giá trị gia tăng là cần thiết, phù hợp với Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định sản xuất, đời sống của người dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.	Từ thực trạng tình hình nông nghiệp, nông thôn, những sản phẩm có thế mạnh của huyện, trên cơ sở phân tích đánh giá lợi thế về tiềm năng đất đai, lao động, ngành nghề về sản xuất, thị trường tiêu thụ; Đề án đề ra định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp dựa trên cơ sở thực tiễn sản xuất nông nghiệp của huyện	
2	Quyết định	số 16-CTr/HU ngày 26/5/2016 của Huyện ủy Hoài Nhơn	Ban hành Chương trình hành động về xây dựng huyện Hoài Nhơn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020	Diện mạo nông thôn được khởi sắc, hạ tầng kinh tế xã hội được nâng cấp, đời sống người dân được nâng cao, hộ nghèo giảm, truyền thống văn hóa được giữ gìn và phát huy, đội ngũ cán bộ ngành càng trưởng thành	Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định; giàu bản sắc dân tộc; môi trường sinh thái được đảm bảo; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; hệ thống chính trị ở nông thôn vững mạnh.	

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Ghi chú
3	Quyết định	số 8028/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND huyện Hoài Nhon	Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy về “xây dựng huyện Hoài Nhon đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020”	Thực hiện kế hoạch chương trình hành động của huyện ủy nhằm phát huy vai trò trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và xã hội, đặc biệt là sự tham gia trực tiếp người dân tổ chức thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ mục tiêu Chương trình XD NTM trên địa bàn huyện Hoài Nhon	Các cơ quan, đơn vị, địa phương xác định việc xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng và thường xuyên trong kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, thực hiện đồng bộ các biện pháp, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện	
4	Công văn	số 212/UBND-TNMT ngày 25/3/2016 của UBND huyện Hoài Nhon	về việc thực hiện công tác thu gom chai lọ, bao bì, thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng	Hướng dẫn các xã thực hiện công tác thu gom chai lọ, bao bì thuốc BVTV trên đồng ruộng	Cải thiện, bảo vệ môi trường, hạn chế rác thải và chất thải độc hại trên đồng ruộng	
5	Công văn	số 279/UBND-TNMT ngày 13/4/2016 của UBND huyện Hoài Nhon	về việc thu gom, thống kê khối lượng và địa điểm tập trung chai lọ, bao bì, thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng	Hướng dẫn các xã trong việc thu gom và tổng hợp khối lượng bao bì vỏ thuốc BVTV	Thu gom, xử lý rác thải đúng địa điểm quy định	
6	Công văn	số 798/UBND-TNMT ngày 16/9/2016 của UBND huyện Hoài Nhon	Về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi	Hướng dẫn các xã rà soát, kiểm tra các hộ chăn nuôi trên địa bàn	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi	

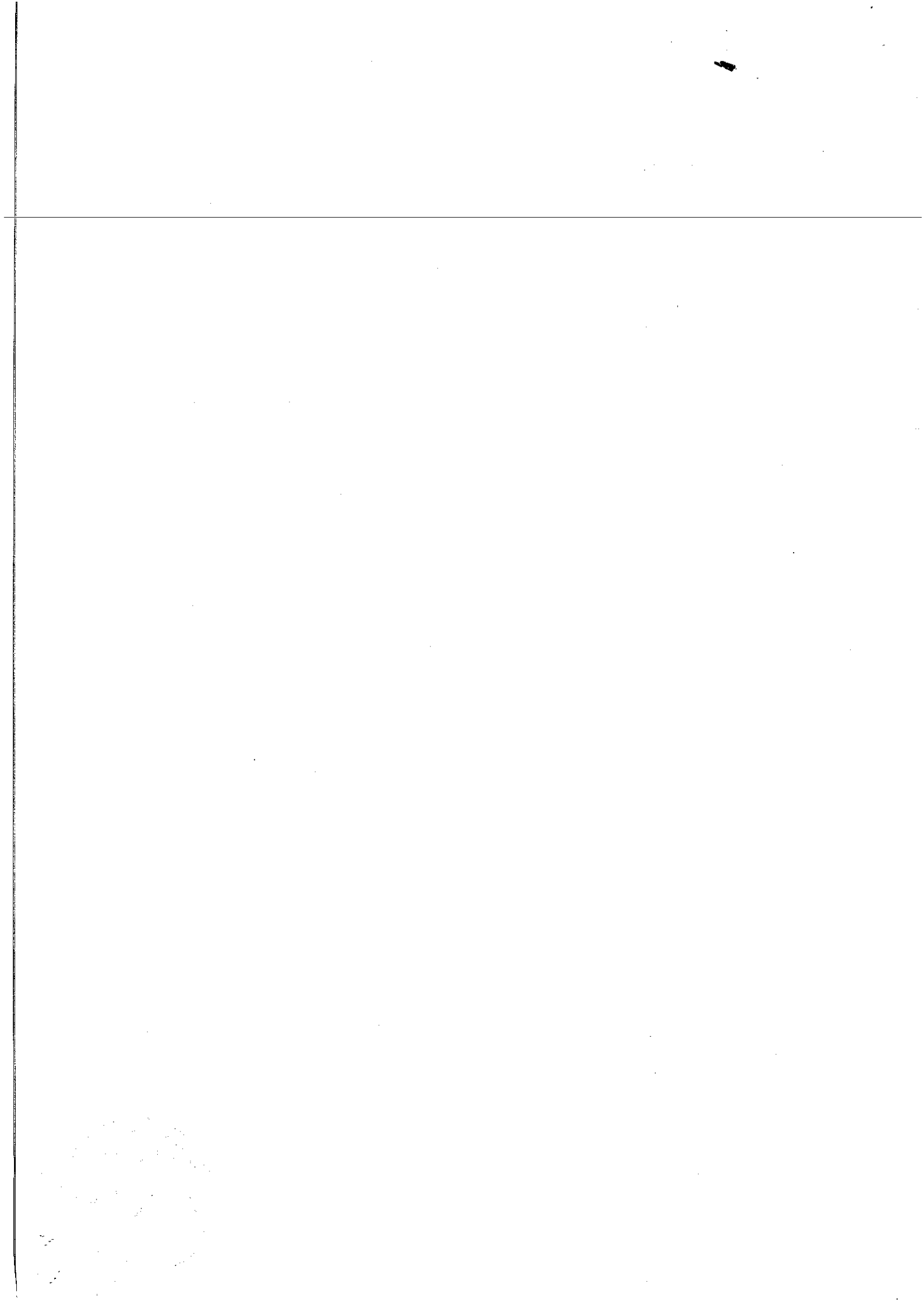


TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Ghi chú
7	Công văn	số 965/UBND-TNMT ngày 07/11/2016 của UBND huyện Hoài Nhơn	về việc triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016	Hướng dẫn các xã thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Phát triển nông thôn và Bộ tài nguyên môi trường về xây dựng nhà chứa, hồ chứa bao bì thuốc BVTV trên đồng ruộng	Xử lý rác thải theo đúng quy định	
8	Công văn	số 976/UBND-TNMT ngày 31/8/2017 của UBND huyện Hoài Nhơn	về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh	Hướng dẫn các xã thu gom và xử lý rác thải theo Chỉ thị 12/CT-UBND	Xử lý rác thải theo đúng quy định	





STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến 31/12/2016	Kết quả đến 31/12/2017	Kết quả đến 30/6/2018	Ước thực hiện đến 31/12/2018
2	Mức dân số bình quân/xã, đặc biệt khó khăn	tiêu chí	14,7	17	17	19
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã					
3.1	Số xã đạt 19 tiêu chí đã có QĐ công nhận	xã	5	10	10	15
3.2	Số xã đạt 18 tiêu chí	xã	2	0	2	0
3.3	Số xã đạt 17 tiêu chí	xã	0	0	1	0
3.4	Số xã đạt 16 tiêu chí	xã	1	3	1	0
3.5	Số xã đạt 15 tiêu chí	xã	1	1	1	0
3.6	Số xã đạt 14 tiêu chí	xã	1	1	0	0
3.7	Số xã đạt 13 tiêu chí	xã	0	0	0	0
3.8	Số xã đạt 12 tiêu chí	xã	2	0	0	0
3.9	Số xã đạt 11 tiêu chí	xã	3	0	0	0
3.10	Số xã đạt 10 tiêu chí	xã	0	0	0	0
3.19	Số xã đạt 01 tiêu chí	xã	0	0	0	0
4	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí					
4.1	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch	xã	15	15	15	15
4.2	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông	xã	9	14	14	15
4.3	Số xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi	xã	9	15	15	15
4.4	Số xã đạt tiêu chí số 4 về điện	xã	15	15	15	15
4.5	Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học	xã	9	12	13	15
4.6	Số xã đạt tiêu chí số 6 về CSVCVH	xã	9	14	15	15
4.7	Số xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng	xã	11	13	14	15
4.8	Số xã đạt tiêu chí số 8 về bưu điện	xã	15	15	15	15
4.9	Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở	xã	15	15	15	15
4.10	Số xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập	xã	13	11	15	15
4.11	Số xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo	xã	7	13	15	15
4.12	Số xã đạt tiêu chí số 12 lao động có việc làm	xã	15	15	15	15
4.13	Số xã đạt tiêu chí số 13 về hình thức tổ chức sản xuất	xã	15	15	15	15
4.14	Số xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục	xã	15	15	15	15
4.15	Số xã đạt tiêu chí số 15 về y tế	xã	15	14	15	15
4.16	Số xã đạt tiêu chí số 16 về thôn văn hóa	xã	12	15	15	15
4.17	Số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm	xã	14	14	12	15
4.18	Số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	xã	6	8	8	15
4.19	Số xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh	xã	14	15	15	15
5	Một số chỉ tiêu cơ bản					
5.1	Thu nhập bình quân khu vực nông thôn/ người/năm	trđ/ng/ năm	29	34,2		38
5.2	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	7,1	7,06		4,85
5.3	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	89	90,83		91
5.4	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia	%	94,7	98		99,8



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIAI ĐOẠN 2016-2018 VÀ DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2019-2020**

ĐVT: Tỷ đồng

TT		GĐ 2016 -2018	Năm 2016	Năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Dự kiến GĐ 2019-2020
	TỔNG SỐ	250.440	74.487	70.823	105.130	265.468
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	33.142	13.278	11.049	8.815	80.598
1	Trái phiếu chính phủ	6.252	6.252	0	0	0
2	Đầu tư phát triển	22.879	5.767	9.669	7.443	75.598
3	Sự nghiệp	4.011	1.259	1.380	1.372	5.000
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	136.476	29.676	39.943	66.857	107.206
1	Tỉnh	47.520	5.200	10.000	32.320	20.100
2	Huyện	4.500	1.000	1.000	2.500	21.689
3	Xã	84.456	23.476	28.943	32.037	65.417
III	VỐN LÒNG GHÉP	36.129	12.151	7.952	16.026	34.122
IV	VỐN TÍN DỤNG					
V	VỐN DOANH NGHIỆP					
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	44.693	19.382	11.879	13.432	43.542

